



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Nguyên lý kế toán - M1104007

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: M110400701

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung - (04034)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký		Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc Ánh	19/12/1999	<i>[Signature]</i>	8,5	tám năm	C19KT	
2	1710100055	Huỳnh Thị Thúy Duy	12/11/1999	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
3	1710100064	Huỳnh Thị Yến Duy	12/11/1999	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
4	1710100048	Ngô Hải Dương	28/10/1999	<i>[Signature]</i>	5.0	năm	C19QT2	
5	1710100042	Nguyễn Khắc Dương	27/12/1999	<i>[Signature]</i>	5.0	năm	C19QT2	
6	1710110008	Bùi Thu Hà	20/06/1999	<i>[Signature]</i>	8.0	tám	C19KT	
7	1710100054	Hồ Thúy Hằng	21/09/1999				C19QT2	✓
8	1710100051	Nguyễn Thị Hằng	25/02/1998	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
9	1710110012	Trần Thị Thu Hiền	18/04/1999	<i>[Signature]</i>	8,5	tám năm	C19KT	
10	1710100002	Phạm Minh Hiếu	21/08/1992	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
11	1710100052	Trần Thị Lan Hương	15/01/1999	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
12	1710110003	Phạm Thị Huyền	07/01/1999	<i>[Signature]</i>	8.0	tám	C19KT	
13	1710110015	Nguyễn Thị Diễm Hương	22/07/1999	<i>[Signature]</i>	8,5	tám năm	C19KT	
14	1710100041	Nguyễn Minh Kha	06/09/1999				C19QT2	✓
15	1710100067	Nguyễn Văn Khiêm	19/05/1999	<i>[Signature]</i>	5.0	n	C19QT2	
16	1710100047	Nguyễn Minh Khoa	29/03/1999	<i>[Signature]</i>	5.0	năm	C19QT2	
17	1710110001	Bùi Đặng Phương Linh	09/12/1997	<i>[Signature]</i>	10.0	mười	C19KT	
18	1710110002	Hồ Yến Linh	11/05/1999	<i>[Signature]</i>	8.0	tám	C19KT	
19	1710100069	Võ Thị Thùy Linh	07/10/1999	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
20	1710100065	Trần Thị Phụng Mai	20/04/1996	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
21	1710100046	Nguyễn Ngọc Minh	24/10/1999	<i>[Signature]</i>	5.0	năm	C19QT2	
22	1710100061	Nguyễn Thị Kiều My	07/11/1996	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
23	1710100062	Nguyễn Trọng Nghĩa	16/03/1999	<i>[Signature]</i>	5.0	năm	C19QT2	
24	1710100066	Trần Hải Ngọc	04/07/1999	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
25	1710100057	Võ Thị Hồng Nhi	01/01/1998	<i>[Signature]</i>	5.0	năm	C19QT2	
26	1710100070	Trần Thị Như	16/07/1999	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
27	1710110004	Hồ Ngọc Phượng	25/11/1999	<i>[Signature]</i>	8.0	tám	C19KT	
28	1710110010	Đặng Thị Thúy Quyên	26/03/1998	<i>[Signature]</i>	8,5	tám năm	C19KT	
29	1710110011	Lê Thị Phương Thảo	11/02/1999	<i>[Signature]</i>	8,5	tám năm	C19KT	
30	1710100045	Trần Thị Hồng Thắm	01/06/1999	<i>[Signature]</i>	5.0	năm	C19QT2	
31	1710110006	Đặng Kim Thuy	28/05/1999	<i>[Signature]</i>	8.0	tám	C19KT	
32	1710100044	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/10/1999	<i>[Signature]</i>	7.0	bảy	C19QT2	
33	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai Trinh	06/05/1999	<i>[Signature]</i>	9.0	tám	C19KT	
34	1710100071	Nguyễn Thị Kim Trinh	07/07/1999	<i>[Signature]</i>	10	mười	C19QT2	

SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1710100043	Trần Minh Trí	13/12/1999			C19QT2	✓
36 1710110026	Dương Thị Ánh Trúc	12/10/1999	<i>Ánh Trúc</i>	8,5	C19KT	
37 1710110022	Nguyễn Thị Lan Trường	05/12/1999	<i>Lan Trường</i>	8,5	C19KT	
38 1710100053	Trần Văn Tuấn	12/06/1998	<i>Trần Văn Tuấn</i>	7,0	C19QT2	
39 1710100060	Lê Trần Cát Tường	20/04/1999	<i>Lê Trần Cát Tường</i>	7,0	C19QT2	
40 1710110007	Phan Trần Tường Vi	21/11/1999	<i>Phan Trần Tường Vi</i>	8,0	C19KT	
41 1710100058	Dương Thị Thúy Vy	18/03/1998	<i>Dương Thị Thúy Vy</i>	7,0	C19QT2	
42 1710100008	Nguyễn Thị Thùy Vy	25/10/1999	<i>Nguyễn Thị Thùy Vy</i>	7,0	C19QT2	
43 1710100059	Trần Thị Mai Xinh	27/07/1997			C19QT2	✓
44 1710100063	Hồ Thị Như Ý	04/08/1999			C19QT2	✓

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 39 vắng thi: 5, Số bài thi: 39 / 39.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____, _____%

Ngày 16 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]



Trần Thị Kim Anh

Ngày 16 tháng 7 năm 18

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Nguyên lý kế toán - M1104007

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: M110400701

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung - (04034)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc Ánh	19/12/1999	<i>ae</i>	<i>chín</i>	C19KT	
2	1710100055	Huỳnh Thị Thúy Duy	12/11/1999	<i>Thuy</i>	<i>bốn</i>	C19QT2	
3	1710100064	Huỳnh Thị Yến Duy	12/11/1999	<i>Yen</i>	<i>bốn</i>	C19QT2	
4	1710100048	Ngô Hải Dương	28/10/1999	<i>Hai</i>	<i>năm</i>	C19QT2	
5	1710100042	Nguyễn Khắc Dương	27/12/1999	<i>Duong</i>	<i>năm</i>	C19QT2	
6	1710110008	Bùi Thu Hà	20/06/1999	<i>Thu</i>	<i>sáu</i>	C19KT	
7	1710100054	Hồ Thúy Hằng	21/09/1999	<i>Hang</i>	<i>hai</i>	C19QT2	
8	1710100051	Nguyễn Thị Hằng	25/02/1998	<i>Hang</i>	<i>bốn</i>	C19QT2	
9	1710110012	Trần Thị Thu Hiền	18/04/1999	<i>Thu</i>	<i>chín</i>	C19KT	
10	1710100002	Phạm Minh Hiếu	21/08/1992	<i>Minh</i>	<i>bảy</i>	C19QT2	
11	1710100052	Trần Thị Lan Hương	15/01/1999	<i>Lan</i>	<i>chín</i>	C19QT2	
12	1710110003	Phạm Thị Huyền	07/01/1999	<i>Huyen</i>	<i>sáu</i>	C19KT	
13	1710110015	Nguyễn Thị Diễm Hương	22/07/1999	<i>Diem</i>	<i>mười</i>	C19KT	
14	1710100041	Nguyễn Minh Kha	06/09/1999	<i>Kha</i>	<i>năm</i>	C19QT2	
15	1710100067	Nguyễn Văn Khiêm	19/05/1999			C19QT2	
16	1710100047	Nguyễn Minh Khoa	29/03/1999	<i>Khoa</i>	<i>ba</i>	C19QT2	
17	1710110001	Bùi Đặng Phương Linh	09/12/1997	<i>Phuong</i>	<i>mười</i>	C19KT	
18	1710110002	Hồ Yến Linh	11/05/1999	<i>Yen</i>	<i>sáu</i>	C19KT	
19	1710100069	Võ Thị Thùy Linh	07/10/1999	<i>Thuy</i>	<i>năm</i>	C19QT2	
20	1710100065	Trần Thị Phụng Mai	20/04/1996	<i>Mai</i>	<i>năm</i>	C19QT2	
21	1710100046	Nguyễn Ngọc Minh	24/10/1999	<i>Minh</i>	<i>hai</i>	C19QT2	
22	1710100061	Nguyễn Thị Kiều My	07/11/1996	<i>Kieu</i>	<i>mười</i>	C19QT2	
23	1710100062	Nguyễn Trọng Nghĩa	16/03/1999	<i>Nguyen</i>	<i>chín</i>	C19QT2	
24	1710100066	Trần Hải Ngọc	04/07/1999	<i>Hai</i>	<i>năm</i>	C19QT2	
25	1710100057	Võ Thị Hồng Nhi	01/01/1998	<i>Nhi</i>	<i>năm</i>	C19QT2	
26	1710100070	Trần Thị Như	16/07/1999	<i>Nhu</i>	<i>mười</i>	C19QT2	
27	1710110004	Hồ Ngọc Phượng	25/11/1999	<i>Phuong</i>	<i>năm</i>	C19KT	
28	1710110010	Đặng Thị Thúy Uyên	26/03/1998	<i>Thuy</i>	<i>bảy</i>	C19KT	
29	1710110011	Lê Thị Phương Thảo	11/02/1999	<i>Thao</i>	<i>năm</i>	C19KT	
30	1710100045	Trần Thị Hồng Thắm	01/06/1999	<i>Tham</i>	<i>hai</i>	C19QT2	
31	1710110006	Đặng Kim Thuy	28/05/1999	<i>Kim</i>	<i>mười</i>	C19KT	
32	1710100044	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/10/1999	<i>Trang</i>	<i>tám</i>	C19QT2	
33	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai Trinh	06/05/1999	<i>Trinh</i>	<i>ba</i>	C19KT	
34	1710100071	Nguyễn Thị Kim Trinh	07/07/1999	<i>Kim</i>	<i>chín</i>	C19QT2	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký		Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1710100043	Trần Minh Trí	13/12/1999				C19QT2	✓
36	1710110026	Dương Thị Ánh Trúc	12/10/1999	<i>Anhduc</i>		<i>mười</i>	C19KT	
37	1710110022	Nguyễn Thị Lan Trường	05/12/1999	<i>Trần</i>		<i>một</i>	C19KT	
38	1710100053	Trần Văn Tuấn	12/06/1998	<i>Trần</i>		<i>một</i>	C19QT2	
39	1710100060	Lê Trần Cát Tường	20/04/1999	<i>Cát Tường</i>		<i>bốn</i>	C19QT2	
40	1710110007	Phan Trần Tường Vi	21/11/1999	<i>Phan</i>		<i>mười</i>	C19KT	
41	1710100058	Dương Thị Thủy Vy	18/03/1998	<i>Thy</i>		<i>năm</i>	C19QT2	
42	1710100008	Nguyễn Thị Thủy Vy	25/10/1999	<i>Vy</i>		<i>bốn</i>	C19QT2	
43	1710100059	Trần Thị Mai Xinh	27/07/1997				C19QT2	✓
44	1710100063	Hồ Thị Như Ý	04/08/1999				C19QT2	✓

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 40 vắng thi: 4 Số bài thi: 40 / 40

Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: %

Ngày 16 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG

KHAI

Trần Thị Kim Ánh

Ngày 16 tháng 07 năm 18

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Nguyên lý kế toán - M1104007

Mã lớp học phần: M110400701

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Nguyễn Thị Hồng Nhung

Ngày thi: 23/07/2018

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Nguyễn Văn Triệu tên: _____Giám thị 2: Trần Tài Nguyên Ký tên: Trần Tài Nguyên

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc	Ánh	19/12/1999	<u>ae</u>	9.0	chun	C19KT	
2	1710100055	Huỳnh Thị Thúy	Duy	12/11/1999	<u>Thuy</u>	4.0	bm	C19QT2	
3	1710100064	Huỳnh Thị Yến	Duy	12/11/1999	<u>Yen</u>	4.0	bm	C19QT2	
4	1710100048	Ngô Hai	Dương	28/10/1999	<u>Hai</u>	3.0	ba	C19QT2	
5	1710100042	Nguyễn Khắc	Dương	27/12/1999	<u>Khac</u>	5.5	nam nio	C19QT2	
6	1710110008	Bùi Thu	Hà	20/06/1999	<u>Thu</u>	10.0	mio	C19KT	
7	1710110006	Nguyễn Thị	Hằng	25/02/1998	<u>Hang</u>	7.5	bay nio	C19QT2	
8	1710110012	Trần Thị Thu	Hiền	18/04/1999	<u>Thu</u>	10.0	mio	C19KT	
9	1710100002	Phạm Minh	Hiếu	21/08/1992	<u>Minh</u>	9.0	chun	C19QT2	Nợ HP
10	1710100055	Trần Thị Lan	Hương	15/01/1999	<u>Lan</u>	8.5	tan nio	C19QT2	Nợ HP
11	1710110003	Phạm Thị	Huyền	07/01/1999	<u>Huyen</u>	8.5	tan nio	C19KT	
12	1710110015	Nguyễn Thị Diễm	Hương	22/07/1999	<u>Diem</u>	10.0	mio	C19KT	
13	1710100041	Nguyễn Minh	Kha	06/09/1999	<u>Minh</u>	3.5	ba nio	C19QT2	
14	1710110001	Bùi Đặng Phương	Linh	09/12/1997	<u>Phu</u>	10.0	mio	C19KT	Nợ HP
15	1710110002	Hồ Yến	Linh	11/05/1999	<u>Yen</u>	5.0	nam	C19KT	Nợ HP
16	1710100069	Võ Thị Thủy	Linh	07/10/1999	<u>Thuy</u>	7.5	bay nio	C19QT2	
17	1710100065	Trần Thị Phương	Mai	20/04/1996	<u>Phu</u>	9.5	chun nio	C19QT2	Nợ HP
18	1710100061	Nguyễn Thị Kiều	My	07/11/1996	<u>Kieu</u>	9.0	chun	C19QT2	
19	1710100062	Nguyễn Trọng	Nghĩa	16/03/1999	<u>Trong</u>	10.0	mio	C19QT2	Nợ HP
20	1710100066	Trần Hải	Ngọc	04/07/1999	<u>Hai</u>	8.8	tan tan	C19QT2	
21	1710100057	Võ Thị Hồng	Nhi	01/01/1998	<u>Hong</u>	7.8	bay tan	C19QT2	
22	1710100070	Trần Thị	Như	16/07/1999	<u>Nhu</u>	10.0	mio	C19QT2	
23	1710110004	Hồ Ngọc	Phượng	25/11/1999	<u>Phu</u>	9.0	chun	C19KT	
24	1710110010	Đặng Thị Thúy	Quyên	26/03/1998	<u>Thuy</u>	9.5	chun nio	C19KT	
25	1710110011	Lê Thị Phương	Thảo	11/02/1999	<u>Phu</u>	8.0	tan	C19KT	
26	1710110006	Đặng Kim	Thuy	28/05/1999	<u>Kim</u>	10.0	mio	C19KT	
27	1710100044	Nguyễn Thị Kiều	Trang	07/10/1999	<u>Kieu</u>	8.0	tan	C19QT2	Nợ HP
28	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai	Trinh	06/05/1999	<u>Trinh</u>	10.0	mio	C19KT	0029485
29	1710100071	Nguyễn Thị Kim	Trinh	07/07/1999	<u>Kim</u>	10.0	mio	C19QT2	
30	1710110026	Dương Thị Ánh	Trúc	12/10/1999	<u>Truc</u>	9.5	chun nio	C19KT	
31	1710100060	Lê Trần Cát	Tường	20/04/1999	<u>Cat</u>	6.5	sai nio	C19QT2	Nợ HP
32	1710110007	Phan Trần Tường	Vi	21/11/1999	<u>Tuong</u>	9.5	chun nio	C19KT	

Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1710100058	Dương Thị Thúy Vy	18/03/1998	<i>Thy Vy</i>		7.5	bảy năm	C19QT2	
34 1710100008	Nguyễn Thị Thùy Vy	25/10/1999	<i>Thy Vy</i>		4.8	bốn tám	C19QT2	Nợ HP <i>2</i>

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 34 vắng thi: 0, Số bài thi/Số tờ: 34 / 34.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 25 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Anh

Ngày 25 tháng 07 năm 18

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Nhung

TRƯ

KH